TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số: 567/2023/DS-PT Ngày 24- 11-2023 *"V/v:*Tranh chấp QSDĐ và chia thừa kế",*"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Minh Hoàng.
Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Anh;
Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn - Thẩm tra viên TANDThành phố Hà Nội

Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Sơn Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 24/11/2023, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2023/DSPT ngày 30/6/2023 về "*Tranh chấp QSDĐ và chia thừa kế*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 128/2022/DSST ngày 24/9/2022 của TAND huyện Gia Lâm, Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 412/2023/QĐXX-PT ngày 08/9/2023 và các Thông báo mở lại phiên tòa tiếp theo của TAND Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Đình Thắng, sinh năm 1971. *Người đại diện theo ủy quyền* là bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1972 (*vợ ông Thắng*). Cùng cư trú tại: Thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Thắng: Luật sư Hà Huy Sơn– Công ty luật TNHH Hà Sơn, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Phòng 503, tòa nhà N7, đường Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Có mặt ông Thắng, bà Dung và Luật sư Sơn.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lâm Đình Phượng, sinh năm 1959;

2.2. Ông Lâm Đình Luận, sinh năm 1965.

Cùng cư trú tại: Thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Cùng có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Phượng, ông Luận: Các Luật sư Nguyễn Thị Bích Phượng, Phạm Ngọc Minh – Công ty Luật TNHH Evrest , đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà Times, số 35 Lê Văn Lương, Nhân Chính, Cầu Giấy Hà Nội. Có mặt Luật sư Phượng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lâm Thị Loan, sinh năm 1954;

3.2. Bà Lâm Thị Lý, sinh năm 1964;

3.3. Bà Nguyễn Thị Tính, sinh năm 1967;

3.4. Anh Lâm Đình Toàn, sinh năm 1994;

3.5. Chị Ngô Thị Hoàng Anh, sinh năm 1997;

3.6. Cháu Lâm Đình Quân, sinh năm 2017;

3.7. Cháu Lâm Đình Đoàn, sinh năm 2019;

(Anh Toàn, chị Hoàng Anh là đại diện theo pháp luật cho cháu Quân, cháu Đoàn).

3.8. Bà Lê Thị Hải, sinh năm 1958;

3.9. Anh Lâm Đình Chung, sinh năm 1987;

3.10. Chị Phạm Hồng Xuyến, sinh năm 1992;

3.11. Chị Lâm Thị Thúy Ngân, sinh năm 1994;

3.12. Cháu Lâm Trúc Linh, sinh năm 2019. *Do Anh Chung, chị Xuyến là người đại diện theo pháp luật.*

3.13. Bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1972;

3.14. Chị Lâm Thị Quỳnh Ly, sinh năm 1999;

3.15. Chị Lâm Đình Khánh, sinh năm 2007. *Do bà Dung, ông Thắng là người đại diện theo pháp luật.*

3.16. Bà Đỗ Thị Tuyết, sinh năm 1941.

Các đương sự số thứ tự từ 3.1 đến 3.16 cùng cư trú tại: Thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

3.17. Bà Lâm Thị Lan, sinh năm 1961;

3.18. Bà Lâm Thị Bẩy (*Tức Nụ*), sinh năm 1968.

Cùng trú tại: Thôn Quy Mông, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

3.19. Những người thừa kế của bà Lăng Thị Hiền, chết năm 2021*:* Ông Nguyễn Đường Đống, sinh năm 1938, anh Nguyễn Minh Đường, sinh năm 1978, chị Nguyễn Thị Minh Tâm, sinh năm 1980, chị Nguyễn Thị Minh Hậu sinh năm 1982, cùng ĐKHKTT tại Thôn 2 xã Kim Lan, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

3.20. Bà Nguyễn Thị Hòa, sinh năm 1955, nơi cư trú: Đông Khu, Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các bà Loan, Lý, Lan, Bẩy (*Nụ*), Dung có mặt tại phiên tòa; còn lại đều vắng mặt.

***4. Người kháng cáo*:**

4.1. Ông Lâm Đình Thắng là nguyên đơn. Có mặt. Ông Thắng đã rút yêu cầu kháng cáo.

4.2. Ông Lâm Đình Phượng, ông Lâm Đình Luận là bị đơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo hồ sơ vụ án, tại cấp sơ thẩm:***

1. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền và Luật sư của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Bố ông Thắng là cụ Lâm Đình Lựu, chết năm 2010 và mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Diêm, chết tháng 01/2019; hai cụ kết hôn khoảng năm 1950 và sinh được 10 người con:(1)Lâm Thị Loan;(2)Lâm Thị Liên (*chết năm 2009 - không có chồng, con*); (3)Lâm Đình Phượng; (4)Lâm Thị Lan; (5)Lâm Thị Lý; (6) Lâm Đình Chiến, chết năm 1963 (*không có vợ con*); (7)Lâm Đình Luận; (8)Lâm Thị Bẩy (*tức Nụ*);

[9]Lâm Đình Thắng; [10]Lâm Thị Lợi (*chết năm 2021 không chồng con*). Hai cụ không có con riêng, con ngoài giá thú. Mặc dù khi còn sống các cụ có hai người là bà Lăng Thị Hiền, đã chết năm 2021 và bà Nguyễn Thị Hòa đi lại như con nuôi nhưng thực tế không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc nhận con nuôi, cũng không nuôi dưỡng ai thực tế. Bố mẹ đẻ cụ Lựu, cụ Diêm đều chết trước hai cụ.

Khi còn sống, cụ Lựu,cụ Diêm có khối tài sản gồm:

- Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 4, diện tích 239m^2 tại: Thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội trên có 01 ngôi nhà cấp 4 bốn gian; 01 nhà bê tông 2 tầng giáp nhà cấp 4; 01 bếp giáp nhà bê tông 2 tầng (*khoảng năm 2016 ông Luận vào chăm bà Lợi thì có sửa chữa bếp*); 01 cầu thang ngoài trời để đi lên nhà bê tông 2 tầng; Cổng, sân, tường; Nhà vệ sinh, nhà tắm(*Sau đây viết tắt là* nhà đất tại thửa đất số 18); UBND huyện Gia Lâm đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V:508403 cho hộ gia đình ông Lâm Đình Lựu ngày 16/8/2002 (*Sau đây viết tắt là* GCNQSDĐ số V 508403). Trên nhà đất tại thửa đất số 18, ông Luận đã xây dựng 01 nhà cấp 4 mái tôn (*cho bà Lợi ở*) và ông Thắng xây dựng 01 mái tôn khung thép che sân trước nhà cấp 4. Nguồn gốc thửa đất số 18 là bố mẹ ông Thắng được các cụ đời trước để lại.Thửa đất số 18 hiện nay chia làm 2 phần sử dụng: Năm 2004 cụ Lựu - cụ Diêm cho miệng vợ chồng ông Thắng sử dụng diện tích 83,6m^2; vợ chồng ông Thắng xây nhà, xây tường ngăn giữa hai phần đất, điện nước riêng biệt từ năm 2004, khi đó bố mẹ ông Thắng còn sống, ông Thắng mở cửa ngách đi sang phần đất còn lại khoảng 160m^2 của cụ Lựu- cụ Diêm quản lý . Nhưng từ khi cụ Diêm, bà Lợi chết thì ông Luận quản lý 160m^2 và các tài sản trên đất; xây bịt lối thông từ nhà đất ông Thắng sang nhà đất của hai cụ. Nay ông Thắng đề nghị Tòa án: Công nhận quyền sử dụng 83,6m^2 theo diện tích thực tế mà cụ Lựu cụ, Diêm đã cho vợ chồng ông Thắng sử dụng riêng biệt từ năm 2004 thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Thắng. Diện tích đất còn lại và tài sản của hai cụ để lại tại thửa đất số 18 thì đề nghị chia thừa kế theo di chúc của cụ Diêm là "*Giấy Chuyển và cho con trai Lâm Đình Thắng toàn bộ diện tích đất ở là 239m^2 theo sổ QSDĐ ở"* ngày 20/4/2015 có xác nhận của Trưởng thôn. Nếu không chia theo di chúc thì ông Thắng đề nghị chia thừa kế theo pháp luật và ông yêu cầu chia bằng hiện vật. Giả sử chia thừa kế của cụ Lựu, cụ Diêm mà bà Lợi được hưởng thì yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Lợi được hưởng theo pháp luật trong vụ án này. Các bà Loan, Lan, Lý, Bẩy (*Nụ*) tặng cho kỷ phần mà họ được hưởng thừa kế cho ông Thắng thì ông Thắng xin nhận.

Ngòai nhà đất tại thửa đất số 18, bố mẹ ông Thắng còn được hưởng thửa đất số 7 tờ bản đồ số 4 thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội (*Sau đây viết tắt là* thửa đất số 7). Thửa đất số 7 này có nguồn gốc của các cụ đời trước cho chú ruột ông Thắng nhưng đã hi sinh (*là liệt sỹ, không có vợ con*) bố mẹ ông Thắng là người thờ cúng Liệt sỹ nên được hưởng. Theo bản đồ 1993-1994 là 204m^2, khi bố mẹ ông Thắng còn sống đã định đoạt cho: Ông Luận được 88m^2, còn lại ông Phượng được hưởng; ông Phượng mua, đổi đất với hàng xóm như thế nào ông Thắng không rõ và thửa đất số 7 đã tách thành 02 thửa là số 7(1), 7(2). Năm 2005 UBND huyện Gia Lâm đã cấp Giấy chứng nhận cho ông Phượng, ông Luận diện

tích đất được cụ Lựu cho. Ngày 08/3/2021, ông có yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu chia thừa kế đối với 02 quyền sử dụng đất số 7(1), 7(2). Ngày 19/8/2022 ông Thắng đã xin rút yêu cầu khởi kiện đối với việc chia thừa kế 02 thửa số 7(1), 7(2).

Cụ Lựu - cụ Diêm được cấp đất nông nghiệp trong tổng số 1713m^2 đất ruộng của 5 người gồm: Cụ Lựu, cụ Diêm, ông Thắng, bà Liên, bà Lợi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông Lâm Đình Lựu. Ông Thắng không đề nghị phân chia thừa kế đất nông nghiệp.

Từ trước đến nay thửa đất do cụ Lựu, cụ Diêm tôn tạo, khi đường bên ngoài nâng lên thì nhà, sân cũng phải nâng lên, các con trong gia đình chỉ giúp, người đi chợ nấu cơm cho thợ, người trộn vữa, người bê gạch, chứ không ai phải bỏ chi tiền riêng. Khi bố mẹ ốm đau thì tất cả anh chị em trong nhà đều có trách nhiệm lo lắng, chia nhau chăm sóc, phiên ai chăm sóc thì bỏ tiền ra mua thứ cha mẹ cần. Khi cụ Lựu chết thì cụ Diêm là người đứng ra làm tang lễ và tất cả các anh chị em cùng lo, cụ Diêm chết trên thửa đất của vợ chồng ông sinh sống. Khi cụ Diêm chết ông Phượng đứng ra làm tang lễ, nhưng ông không phải chi tiền, nếu có ứng tiền ra thì tiền phúng viếng cũng thừa, các con trong gia đình ai cũng đóng góp tiền lo ma chay, người ít người nhiều. Đến nay ông không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc các con cùng bỏ tiền lo ma cho hai cụ, cùng nhau chăm sóc hai cụ khi ốm đau.

- Việc chăm sóc bà Lợi tàn tật từ bé: Từ nhỏ bà Lợi do bố mẹ ông nuôi dưỡng, năm 2010 cụ Lựu chết thì bà Lợi ở với cụ Diêm, đến 2016 bà Lợi không biết gì nữa, cụ Diêm cũng yếu thì cụ Diêm giao bà Lợi cho ông Luận nuôi dưỡng cho đến năm 2021 bà Lợi chết. Khi cụ Diêm còn sống chỉ nói ai nuôi bà Lợi thì được hưởng tiền đất ruộng của bà Lợi, nhưng sau khi cụ Diêm chết thì anh chị em trong gia đình lại thống nhất là cho bà Lợi đất thổ cư, ai nuôi thì được hưởng, tiền ruộng thì không ai bàn đến.

Cụ Lựu, cụ Diêm chết không có nghĩa vụ với với ai hoặc tổ chức nào khác.

Ông Thắng khẳng định bà Hiền, bà Hòa không có quan hệ con nuôi với cụ Lựu, cụ Diêm theo quy định pháp luật.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lâm Đình Phượng trình bày:

Ông nội ông là cụ Lâm Đình Hoằng, bà nội ông là cụ Nguyễn Thị Nguyên là mẹ Việt Nam anh hùng. Cụ Hoằng, cụ Nguyên sinh ra được 07 người con: Ba người đã mất, 2 người liệt sỹ, hiện còn hai người con sống là cụ Lâm Đình Gián, cụ Nguyễn Thị Sửu hiện nay đang ở cùng địa phương. Ông bà nội ông để lại cho bố ông một mảnh đất 239m^2 mang tên Lâm Đình Lựu. Họ tên năm sinh, năm chết của bố mẹ ông và 10 người con đẻ của bố mẹ ông đúng như ông Thắng trình bày.

Bố mẹ có 2 người con nuôi là bà Hiền, bà Hòa, ông không nhớ rõ họ và năm sinh của hai bà, ông không biết bố mẹ ông nhận hai bà nuôi từ khi nào, không có giấy tờ gì. Khi bố mẹ ông ốm hai bà cũng đi lại đồng quà tấm bánh, có cho tiền bố mẹ ông hay không ông không biết. Khi bố mẹ ông chết ông có gọi hai bà về đóng góp còn nhiều hơn các con đẻ, đóng góp mỗi người bao nhiêu ông không nhớ chính xác, ông không có tài liệu chứng minh. Từ khi bố mẹ ông chết thì họ không đi lại gia đình ông. Bà Hiền đã chết, gia đình bà Hiền không báo nên ông không biết

(*khoảng 1 tháng sau ông mới biết thì có đến nhà ở thắp hương, bà Hiền an táng ở đâu ông cũng không rõ*); bà Hòa còn sống; khi có giỗ ông gọi thì bà vẫn về.

Khi còn sống bố mẹ ông giao trách nhiệm cho các con như sau: Ông là con cả trong gia đình lo việc bên nội và nuôi bà Liên nhưng bà đã chết từ năm 2009, ông không phải nuôi ngày nào (*bà Liên chết trước bố mẹ ông, khi sống thì ở với bố mẹ ông, khi chết bố mẹ ông lo tang lễ*). Ông Luận nuôi bà Lợi bị liệt toàn thân và trách nhiệm cúng giỗ bên ngoại. Đầu năm 2018 ông đón mẹ ông ra ở chăm lo tuổi già, đến tháng 12/2018 mẹ ông chết tại ngôi nhà ba gian của bố mẹ ông, ông là trưởng, là người lo tang lễ cho mẹ ông, anh chị em trong nhà có đóng góp nhưng không nhiều, bà Hiền, bà Hòa còn đóng góp nhiều hơn con đẻ (*không có tài liệu xuất trình*). Cụ Lựu, cụ Diêm ốm đau đi viện, ông là người đưa đi, người chăm sóc khi chết ông lo tang lễ, các em trong nhà đóng góp chỉ gọi là, ông không nhớ đóng góp bao nhiêu, ông không có tài liệu gì xuất trình.

Sau khi cụ Diêm chết, ông định làm đơn báo mất sổ đỏ mang tên bố ông thì ông Thắng bảo mang đi thế chấp lấy tiền làm xưởng may, nhưng ông không đồng ý, vì đã có nhà riêng bố mẹ cho, còn nhà ngói và sân để ông Luận nuôi bà Lợi bị liệt. Sau đó hai anh em ông có làm cho bà Lợi một gian để phục vụ cho sạch và nuôi bà Lợi. Sổ hộ khẩu mang tên mẹ ông là cụ Diêm và bà Lợi. Nhà riêng đã có bản đồ riêng ngôi nhà. Còn ngôi nhà ba gian ông làm nhà thờ ông bà nội, bố mẹ, chị và cúng giỗ hàng năm.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Thắng ông không đồng ý chia thừa kế, ông muốn giữ lại phần đất còn lại làm nhà thờ.

Việc bố mẹ ông cho ông Thắng 80m^2 đất từ năm 2004 là đúng, bố ông gọi ông về tự tay ông và bố ông cắm cọc phân đất và có nói với ông Thắng là chú cứ xây dựng hết lên, trước là ở cho sạch sẽ cùng cha mẹ, sau là của chú tất, chứ các anh không vào đây tranh đất làm gì, nhưng ông Thắng cứ đòi bố mẹ phải cho đất riêng ra, nên ông và bố ông đã trực tiếp cắm cọc chia đất cho ông Thắng, sau khi bố ông nói cho ông Thắng xong thì ông Thắng xây tường ngăn, xây nhà ở riêng biệt, đi cổng riêng, điện nước riêng, không liên quan gì đến bố mẹ ông.

Về nguồn gốc thửa đất số 18 là của tổ tiên cụ Lựu để lại cho bố mẹ ông, đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ Lựu. Ông bà nội ông đã phân chia đất cho các con mỗi người một mảnh riêng. Chú ông nhập ngũ năm 1961, đến năm 1966 đã hy sinh. Bố ông là con lớn trong nhà phụng dưỡng bố mẹ già và thờ cúng em liệt sỹ, bởi vậy ông bà nội ông cho bố ông thừa hưởng thửa đất số7. Năm 1984 ông kết hôn, bố mẹ ông cho ra ở thửa đất số 7 nay ông đang ở, đến năm 1994 em ông là Luận kết hôn, bố mẹ ông chia đôi thửa đất số 7 ông đang ở cho ông Luận một nửa, mỗi anh em được 89m^2. Ông mua thêm của ông Lâm Đình Dương 50m^2 để lấy chỗ chăn nuôi thì đất của ông mới được 140m^2. Năm 2005 được sự đồng ý của bố mẹ ông và hàng xóm liền kề ông làm sổ đỏ mang tên vợ chồng ông và vợ chồng ông Luận. Bố ông giao cho anh em ông thờ cúng chú liệt sỹ trên chính mảnh đất số 7 này. Bố mẹ ông để lại phần đất trong nhà cho bà Liên và bà Lợi.

Trên thửa đất số 18, tài sản của cụ Lựu, cụ Diêm để lại là 01 ngôi nhà cấp 4-3 gian và 1 gian buồng mái ngói rộng khoảng 40m^2, nhà bê tông 2 tầng, bếp (*phần*

bếp này ông Luận có sửa sang bên trong), cầu thang, nhà vệ sinh, cổng, sân, tường, ngoài ra không còn tài sản gì khác. Về công sức của ông đối với di sản của bố mẹ ông để lại thì do ông là con trai trưởng nên mọi việc trong nhà của bố mẹ ông, ông đều phải gánh vác, nhà bê tông xây năm 1976 thì đa số là công sức của ông, thép xây nhà ông nhặt ở Đa Hội về cho bố mẹ ông xây nhà. Mỗi lần bố mẹ ông sửa nhà, tôn nền đất ông đều làm cùng bố mẹ. Nay ông đề nghị ông giữ lại toàn bộ đất của cụ Lựu, cụ Diêm để lại làm nhà thờ, không chia thừa kế, nếu phải chia thừa kế phải tính công sức cho ông, trên đất không có tài sản gì của ông.

Nếu được, ông đề nghị giữ lại phần đất có sân cho ông Luận có công sức chăm nuôi bà Lợi thì là của ông Luận, phần đất có nhà cấp 4 ông giữ lại làm nhà thờ, được như vậy thì ông chấp nhận và công nhận bố mẹ ông đã cho ông Thắng 80m^2 đất. Nếu phải chia thừa kế ông đề nghị Tòa án chia tất cả diện tích đất tại thửa đất số 18 cho đều 7 người con còn sống. Cụ Diêm để lại 01 Giấy "*Chuyển và cho con trai Lâm Đình Thắng toàn bộ diện tích đất ở 239m^2*" ông không biết, ông chưa nhìn thấy bao giờ. Chữ viết tại Giấy này cũng không phải của cụ Diêm vì cụ không biết chữ, không biết viết, nên ông không đồng ý văn bản này là di chúc của cụ.

2.2. Ông Luận trình bày:

Ông có quan điểm như ông Phượng trình bày. Bổ sung thêm: Năm 2009 bà Liên chết, đến năm 2010 bố ông chết, còn lại mẹ ông và bà Lợi sinh sống. Năm 2015 bà lợi yếu mẹ ông đến đón bà lợi về nhà ông để tiện chăm sóc. Năm 2018 mẹ ông ra nhà anh ông ở, còn ngôi nhà cho thuê để lấy tiền bồi dưỡng mẹ ông, người ngoài từ 6-7 triệu/tháng nhưng ông Thắng thuê để mở xưởng may thì 3 triệu, 3 tháng đầu không lấy tiền, đến tháng thứ 4 mới trả hơn 4 triệu đồng, vì thế ông không cho thuê mà để mẹ ông về ở được 1-2 tháng đến ngày 11/12/2018 thì mẹ ông chết. Khi anh em ông kiểm tra giấy tờ, sổ đỏ thì ông Thắng bảo không biết. Đến năm 2019 ông đưa bà Lợi về nhà của bố mẹ ở. Đề nghị giải quyết theo pháp luật.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

3.1. *Các bà Loan, Lan, Lý, Bẩy (Nụ) cùng thống nhất trình bày:* Về quan hệ huyết thống gia đình, nguồn gốc thửa đất số 18 đúng như nguyên đơn, bị đơn đã trình bày. Sổ đỏ thửa đất này do vợ chồng Thắng - Dung quản lý. Khi còn sống cụ Lựu và cụ Diêm đều nói là hai anh ở thửa đất số 7 thì cho ông Thắng ở thửa đất số 18; ông Phượng phải có trách nhiệm nuôi bà Liên, ông Luận nuôi bà Lợi, nhưng bà Liên chết khi bố mẹ ông còn sống nên bố mẹ ông lo toàn bộ, ông Phượng không phải lo gì. Trước khi bà Lợi chết (*khoảng 4 năm*) cụ Diêm yếu thì cụ bảo vợ chồng Thắng không có điều kiện, giao bà Lợi cho ông Luận mang về nhà ông chăm nom đến khi chết. Cụ Lựu, cụ Diêm không nói cho bà Liên, bà Lợi đất. Còn thửa đất số 7 thì cho ông Phượng, ông Luận và giao cho ông Phượng lo giỗ bố, ông Luận lo giỗ mẹ. Còn ông Thắng ở thửa đất số 18 lo giỗ bà Liên, các con gái chỉ gửi lễ. Cùng thừa nhận trên thửa đất số 18 cụ Lựu, cụ Diêm để lại toàn bộ công trình trên đất, chỉ trừ ngôi nhà ông Luận xây và mái che trước sân ông Thắng làm.

Ngoài những tài sản trên, hộ gia đình cụ Lựu, cụ Diêm còn phần đất ruộng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp tổng số là 1713m^2

(*mỗi người được 1 sào 2 thước*). Nay ông Thắng không yêu cầu chia đất nông nghiệp, các bà cũng không yêu cầu chia đất nông nghiệp.

Cụ Diêm trước khi chết có để lại di chúc là "*Giấy Chuyền và cho con trai Lâm Đình Thắng toàn bộ diện tích đất ở là 239m^2*". Các bà không nhìn thấy cụ Diêm viết di chúc, ký di chúc, chỉ nghe kể lại là cụ Diêm có lập di chúc đưa cho vợ chồng ông Thắng giữ. Nay các bà đề nghị Tòa án chia thừa kế theo di chúc này. Nếu Di chúc này không hợp pháp thì đề nghị chia theo pháp luật toàn bộ tài sản của cụ Lựu, cụ Diêm để lại cho các người con còn sống. Phần của 4 chị em các bà được chia thừa kế thì cùng cho ông Thắng toàn bộ, đề nghị Tòa án ghi nhận.

Xác định: Phần đất 80m^2 khi còn sống bố mẹ các bà đã cho ông Thắng quản lý sử dụng riêng từ những năm 2004, nay các bà đồng ý với ý kiến của ông Thắng là công nhận phần bố mẹ đã cho Thắng, còn lại thì chia thừa kế theo pháp luật. Khi bố mẹ các bà ốm đau, các con ai cũng có trách nhiệm như nhau, khi chết thì các con cùng nhau lo tang ma cho hai cụ. Bố mẹ các bà không có nghĩa vụ tài sản với ai, với tổ chức nào khác. Khi còn sống các cụ có nhận miệng bà Hiền, bà Hòa làm con nuôi, nhưng chỉ là tốt với nhau có công việc ăn uống, giỗ chạp thì gọi nhau về ăn, chứ hai bà không phải có nghĩa vụ gì với hai cụ, hai cụ không nuôi ngày nào.

3.2. Bà Nguyễn Thị Dung trình bày: Bà nhất trí toàn bộ ý kiến của ông Thắng. Về phần đất cụ Diêm, cụ Lựu cho vợ chồng bà từ năm 2004, sau đó vợ chồng ông xây nhà bê tông 1,5 tầng và quản lý sử dụng nhà đất từ đó cho đến nay riêng biệt, phần còn lại cụ Lựu, cụ Diêm quản lý sử dụng. Nay bà nhất trí với ông Thắng là đề nghị Tòa án công nhận phần đất hơn 80m^2 hai cụ đã cho vợ chồng bà năm 2004, phần đất còn lại thì chia thừa kế theo di chúc của cụ Diêm để lại, nếu di chúc không hợp pháp thì chia theo pháp luật. Bà đề nghị chia bằng hiện vật vì đây là nơi sinh sống duy nhất của vợ chồng bà.

3.3. Bà Tuyết– Người thừa kế của ông Lâm Đình Dương trình bày:

Năm 1997 gia đình bà có đổi đất cho gia đình ông Phượng để mở rộng ngõ đi chung của gia đình. Gia đình bà thống nhất thỏa thuận với ông Phượng không lập văn bản hay có chính quyền địa phương chứng kiến, hai bên chỉ thống nhất miệng với nhau. Hiện nay phần đất đổi và mua giữa gia đình ông Phượng với gia đình bà không có tranh chấp gì. Xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Tòa án.

3.4. Bà Nguyễn Thị Hòa trình bày:

Bà không phải con nuôi của cụ Lựu, cụ Diêm. Nay ông Thắng khởi kiện đề nghị chia thừa kế di sản của hai cụ; bà không có quyền, nghĩa vụ gì xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Tòa án kể cả khi xét xử sơ thẩm, phúc thẩm.

3.5.Người thừa kế của bà Lăng Thị Hiền trình bày:

Khi bà Hiền còn sống có kể là cụ Lựu, cụ Diêm nhận bà Hiền làm con nuôi nhưng không có giấy tờ gì, không làm thủ tục theo nghi lễ của địa phương. Nay được Tòa án thông báo về việc ông Thắng khởi kiện tranh chấp chia thừa kế di sản của hai cụ để lại thì gia đình xin từ chối hưởng di sản thừa kế của hai cụ.

3.6. Bà Tính; anh Toàn; chị Hoàng Anh(anh Toàn, chị Hoàng Anh là người đại diện theo pháp luật của cháu Quân, cháu Đoàn); bà Hải; anh Chung;chị Xuyến (anh Chung, chị Xuyến là người đại diện theo pháp luật của cháu Ngân, cháu

Linh);chị Ly. Quá trình tiến hành tố tụng không đến Tòa án làm việc, không có lời khai quan điểm tại Tòa án.

Biên bản định giá tài sản ngày 28/6/2021. Cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ Lựu, cụ Diệm để lại có tổng trị giá thành tiền là 3.304.369.000 đồng. Trong đó gồm: Quyền sử dụng160,7m^2 đất x 20.000.000 đồng/m^2 giá trị thành tiền là 3.214.000.000 đồng và các tài sản trên đất gồm (*01 ngôi nhà cấp 4 ba gian 1 buồng; 01 ngôi nhà bê tông 2 tầng; 1 cầu thang ngoài trời; 01 bếp; 01 nhà tắm; Cổng, sân, tường*) trị giá 90.369.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2022/DSST ngày 24/9/2022, TAND huyện Gia Lâm, Hà Nội **QUYẾT ĐỊNH:**

Xử:

1.*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Đình Thắng đối với ông Lâm Đình Phượng, ông Lâm Đình Luận về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 18, tờ bản đồ số 4,… và toàn bộ tài sản của cụ Lựu cụ Diêm có trên thửa đất số 18.*

2.*Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Đình Thắng đối với ông Lâm Đình Phượng, ông Lâm Đình Luận về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với 02 thửa số 7(1), 7(2) tờ bản đồ số 4, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.*

3. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Lâm Đình Thắng về yêu cầu công nhận quyền sử dụng 83,6 m2 đất thuộc 1 phần của thửa số 18, tờ bản đồ số 4 thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội.*

4. *Công nhận ông Lâm Đình Thắng, bà Nguyễn Thị Dung có quyền sử dụng 83,6m2 đất thuộc 1 phần thửa số 18, tờ bản đồ số 4, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội phần đất giáp nhà ông Gián,trên có 01 ngôi nhà bê tông 1,5 tầng do vợ chồng ông Thắng bà Dung xây dựng năm 2004, phần 83,6m2 đất có các cạnh như sau:*

- Cạnh phía Tây Nam giáp đường có kích thước dài 4,95m

- Cạnh phía Tây Bắc giáp nhà ông Gián có kích thước dài 14,2m

- Cạnh phía Đông Bắc giáp nhà ông Bảo có kích thước dài 5,70m

- Cạnh phía Đông Nam giáp với phần đất là di sản của cụ Lựu cụ Diêm có kích thước dài 15,13m

5*. Xác định di sản của cụ Lâm Đình Lựu, cụ Nguyễn Thị Diêm gồm:*

5.1.*Tài sản là bất động sản: 160,7m^2 quyền sử dụng đất thuộc 1 phần thửa số 18, tờ bản đồ số 4, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội.*

5.2. *Tài sản là động sản trên thửa đất số 18, tờ bản đồ số 4, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nôi gồm:*

- 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian 1 buồng

- 01 ngôi nhà bê tông 2 tầng

- 1 cầu thang ngoài trời

- 1 bếp

- 01 nhà tắm

- Cổng, sân, tường.

5.3. *Đất nông nghiệp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01719 UBND huyện Gia Lâm cấp ngày 14/01/2001 cho hộ gia đình ông Lâm Đình Lựu. HĐXX không xem xét giải quyết đất nông nghiệp trong vụ án này.*

6. *Xác định giá trị di sản của cụ Lâm Đình Lựu, cụ Nguyễn Diêm là:*

……

Tổng giá trị di sản cụ Lựu cụ Diêm là: ***3.304.369.000*** *đồng*

7. *Xác định giấy Chuyển và cho con trai Lâm Đình Thắng toàn bộ diện tích đất ở là 239m2 theo Sổ QSDĐ ở ngày 20/4/2015 của cụ Nguyễn Thị Diêm không có hiệu lực pháp luật.*

8. *Cụ Lâm Đình Lựu chết ngày 28/7/2010. Cụ Nguyễn Thị Diêm chết ngày 16/01/2019. Xác định thời điểm mở thừa kế khối tài sản chung của hai cụ là ngày 16/01/2019.*

9. *Xác định cụ Lâm Đình Lựu chết không có di chúc. Cụ Nguyễn Thị Diêm để lại di chúc không có hiệu lực pháp luật.*

Chia thừa kế theo pháp luật như sau:

10*. Xác định cụ Lựu, cụ Diêm có 10 người con đẻ: Bà Lâm Lâm Thị Loan, bà Lâm Thị Liên, ông Lâm Đình Phượng, bà Lâm Thị Lan, bà Lâm Thị Lý, ông Lâm Đình Chiến, ông Lâm Đình Luận, bà Lâm Thị Bẩy (Tức Nụ), ông Lâm Đình Thắng, bà Lâm Thị Lợi.*

11.*Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lựu, cụ Diêm tại thời điểm mở thừa kế gồm bà Lâm Thị Loan, ông Lâm Đình Phượng, bà Lâm Thị Lan, bà Lâm Thị Lý, ông Lâm Đình Luận, bà Lâm Thị Bẩy, ông Lâm Đình Thắng, bà Lâm Thị Lợi (8 người).*

- Xác định bà Lâm Thị Liên, ông Lâm Đình Chiến và cha mẹ hai cụ Lâm Đình Lựu, cụ Nguyễn Thị Diêm đều đã chết nên không thuộc hàng thừa kế.

- Xác định Bà Lăng Thị Hiền, bà Nguyễn Thị Hòa không phải là con nuôi theo pháp luật hoặc con nuôi thực tế của cụ Lâm Đình Lựu, cụ Nguyễn Thị Diêm nên không thuộc hàng thừa kế.

12. *Xác định 8 đầu thừa kế là 8 kỷ phần*

Xác định 05 bà Lâm Thị Loan, Lâm Thị Lan, Lâm Thị Lý, Lâm Thị Bẩy, Lâm Thị Lợi được hưởng chung 1 kỷ phần.

Ông Phượng, ông Luận, ông Thắng mỗi người được 1 kỷ phần. Bà Loan, bà Lan, bà Lý, bà Bẩy, bà Lợi mỗi người được 1 + 1/5 kỷ phần.

13. *Chia như sau: 3.304.369.000 đồng: 9 = 367.152.111 đồng/1 kỷ phần*

1 kỷ phần 367.152.111 đồng: 5 = 73.430.422 đồng

Ông Phượng, Luận, Thắng mỗi người 1 kỷ phần = 367.152.111 đồng

Bà Loan, bà Lan, Bà Lý, bà Bẩy, bà Lợi mỗi người 1 + 1/5 kỷ phần = 440.582.533 đồng

14. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Lâm Đình Thắng về chia thừa kế phần tài sản thừa kế bà Lâm Thị Lợi được hưởng.*

15. *Xác định bà Lâm Thị Lợi không có di chúc.*

16. *Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Lâm Thị Lợi không có. Hàng thừa kế thứ hai gồm: Bà Loan, ông Phượng, bà Lan, ông Luận, bà Lý, bà Bẩy, ông Thắng (7 người)*

17. *Xác định ông Lâm Đình Luận được hưởng ½ tài sản thừa kế của bà Lợi.*

Xác định ½ tài sản thừa kế của bà Lợi chia đều cho 6 người, ông Lâm Đình Thắng được hưởng thêm 1 kỷ phần có công chăm sóc bà Lợi là 2 kỷ phần.

18. *Chia thừa kế bà Lợi như sau:*

440.582.533 đồng: 2= 220.291.266 đồng

-Ông Luận được hưởng 220.291.266 đồng

220.291.266 đồng: 7 = 31.470.180 đồng/1 kỷ phần

-Ông Thắng được 2 kỷ phần = 62.940.361 đồng

- Ông Phượng, bà Loan, bà Lan, bà Lý, bà Bẩy mỗi người được 1 kỷ phần = 31.470.180 đồng

19. *Sau khi chia thừa kế của cụ Lựu, cụ Diêm, bà Lợi thì các đầu thừa kế được hưởng như sau:*

- Ông Phượng được hưởng là 367.152.111 + 31.470.180 = 398.622.291 đồng, tương đương với 19,9m2 quyền sử dụng đất.

- Ông Luận được hưởng là 367.152.111 + 220.291.266 = 587.443,377 đồng, tương đương với 29,3m2 quyền sử dụng đất

- 4 bà Loan, bà Lan, bà Lý, bà Bẩy mỗi bà được hưởng là 440.582.533 + 31.470.180 = 472.052.713 đồng, tương đương với 23,6m2 quyền sử dụng đất.

- Ông Thắng được hưởng là 367.152.111 + 62.940.361 = 430.092.472 đồng, tương đương với 21,5m2 quyền sử sụng đất.

20. *Ghi nhận 4 bà Loan, bà Lan, bà Lý, bà Bẩy tặng cho ông Thắng toàn bộ tài sản chia thừa kế mà mình được hưởng tổng là 472.052.713 đồng x 4 = 1.888.210.852 đồng.*

Tổng tài sản ông Lâm Đình Thắng được hưởng thừa kế và được tặng cho là: 1.888.210.852 đồng + 430.092.472 đồng = 2.318.303.324 đồng, tương đương với 115,9m2 quyền sử dụng đất.

21. *Chia bằng hiện vật như sau:*

- Chia cho ông Lâm Đình Thắng toàn bộ 160,7m^2 quyền sử dụng đấtthuộc 1 phần thửa số 18, tờ bản đồ số 4, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, có các cạnh như sau:

- Cạnh phía Tây Nam giáp đường làng có kích thước dài 11,72m

- Cạnh phía Tây Bắc giáp phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Thắng bà Dung có kích thước dài 15,13m

- Cạnh phía Đông Bắc giáp nhà ông Bảo có kích thước dài 10,99m

- Cạnh phía Đông Nam giáp nhà ông Bảo có kích thước dài 14,28m

22. *Buộc ông Lâm Đình Thắng phải thanh toán cho ông Lâm Đình Luận giá trị 01 ngôi nhà ông Luận xây dựng là 41.231.800 đồng.*

Tổng cộng số tiền ông Thắng phải thanh toán cho:

- Ông Lâm Đình Phượng là 398.622.291 đồng

- Ông Lâm Đình Luận là 587.443.377 đồng + 41.231.800 đồng = 628.675.177 đồng.

***23**. Sau khi ông Lâm Đình Thắng thanh toán số tiền trên cho ông Lâm Đình Phượng, ông Lâm Đình Luận thì ông Thắng được toàn quyền sử dụng 160,7m2 đất và toàn quyền sở hữu toàn bộ số tài sản hiện có trên 1 phần thửa đất số 18, tờ bản đồ số 4, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội. Ông Thắng có quyền tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất phần 83,6m2 thuộc quyền sử dụng của mình và 160,7m2 đất thuộc tài sản thừa kế và đăng ký kê khai quyền sở hữu tài sản có trên đất và cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh biến động đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình cụ Lâm Đình Lưu thửa số 18, tờ bản đồ số 4, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội theo yêu cầu của ông Thắng, bà Dung, theo quyết định của bản án, theo quy định của pháp luật.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về: nghĩa vụ do chậm thi hành án; nghĩa vụ chịu án phí, quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý bản án sơ thẩm.

- Ông Thắng là nguyên đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm;
- Ông Phượng, ông Luận là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Thắng trình bày đã làm đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Phượng trình bày bản luận cứ (Lưu trong hồ sơ vụ án) và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

+ Bác yêu cầu công nhận 80m^2 (*đo thực tế là 83,6 m^2*) cụ Lựu, cụ Diêm đã cho ông Thắng. Xác định diện tích đất này thuộc di sản của cụ Lựu, cụ Diêm để lại;

+ Đề nghị xác định công sức, tôn tạo khối di sản cho ông Luận, ông Phượng;

+ Đề nghị xem xét lại việc phân chia di sản thừa kế. Xác định ông Luận có công chăm sóc cho bà Lợi áng chừng trị giá 72.000.000 đồng/năm với thời gian là 06 năm và đề nghị cho ông Luận, ông Phượng được hưởng thừa kế bằng hiện vật.

Ông Phượng, ông Luận nhất trí toàn bộ bản luận cứ và đề nghị của Luật sư. Trình bày bổ sung: Việc bố mẹ hai ông đã chia cho hai ông thửa đất số 7 và đã tách thành 02 thửa là số 7(1), 7(2) là tài sản của hai ông không còn là di sản thừa kế. Tại cấp sơ thẩm ông Phượng khai khi bố ông cho ông Thắng 80m^2 đất thì ông cùng bố ông đo đạc nay ông không thừa nhận lời trình bày này. Thừa nhận tại phiên tòa trước ông Phượng, ông Luận đã đề nghị hoãn phiên tòa để xem xét thẩm định, định giá lại tài sản nhưng hai ông không thực hiện làm đơn đề nghị và không nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ pháp luật giải quyết.

Luật sư Sơn trình bày tranh luận:

Ông Thắng thấy bản án sơ thẩm đã đảm bảo quyền lợi của ông, đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo; các quan điểm trình bày đề nghị của Luật sư Phượng và của ông Luận, ông Phượng đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Thắng nhất trí toàn bộ quan điểm trình bày của Luật sư Sơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bà Loan, Lan, Lý, Bẩy (Nụ) và Dung cùng thống nhất trình bày: Giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ các quan điểm trình bày kháng cáo và đề nghị của Luật sư Phượng; của ông Luận, ông Phượng và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bà Loan, Lan, Lý, Bẩy (*Nụ*) thừa nhận các bà không yêu cầu hưởng thêm kỷ phần thừa kế.

Các đương sự không kháng cáo, vắng mặt tại phiên tòa không gửi văn bản bổ sung ý kiến với hội đồng xét xử.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án.

*** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu**:

-**Về tố tụng**: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Thắng nộp đơn kháng cáo quá thời hạn luật định. Nhưng đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Đề nghị đình chỉ xét kháng cáo của ông Thắng.

- Ông Phượng, ông Luận kháng cáo trong thời hạn luật định.

- **Về nội dung**:

Đối với kháng cáo của bị đơn:

- Cấp sơ thẩm xác định về thời điểm mở thừa kế, diện hàng thừa kế là đúng quy định pháp luật.

- Về xác định di sản:

+ Công nhận việc cụ Lựu, cụ Diêm đã cho ông Thắng 83,6m^2 là phù hợp với tinh thần của Án lệ số 24/2018/AL. Xác định di sản còn lại của hai cụ là quyền sử dụng 160,7m^{2}đất thuộc thửa đất số 18 và các tài sản gắn liền trên đất 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian 1 buồng; 01 ngôi nhà bê tông 2 tầng; 1 cầu thang ngoài trời; bếp; 01 nhà tắm, cổng, sân, tường, tổng trị giá 3.304.369.000 đồng (*tài sản của ông Luận là 01 ngôi nhà cấp 4 mái lợp tôn và tài sản của ông Thắng là mái khung sắt lợp tôn che sân trước nhà cấp 4*).

*C*ụ Lựu chết không có di chúc, cụ Diêm để lại di chúc không hợp pháp nên tài sản của cụ Lựu, cụ Diêm chia theo pháp luật. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm B mục III của Thông tư 81/TANDTC ngày 24/7/1981 để trích 01 kỷ phần chia thêm cho 5 người con chưa được cha mẹ cho đất là không phù hợp, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 để chia di sản thừa kế của hai cụ thành 08 kỷ phần bằng nhau cho 8 người thừa kế.

Đối với kỷ phần bà Lợi được hưởng nhưng bà Lợi đã chết, không có hàng thừa kế thứ nhất, nên hàng thừa kế thứ hai được hưởng di sản. Tại phiên tòa ông Thắng yêu cầu bổ sung chia luôn kỷ phần thừa kế của bà Lợi cho các hàng thừa kế thứ hai của bà Lợi, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Thắng và chia thừa kế phần tài sản của bà Lợi được hưởng là có căn cứ. Ông Thắng cùng bố mẹ có thời gian chăm nuôi bà Lợi đến năm 2016, ông Luận có thời gian trực tiếp chăm nuôi bà Lợi từ 2016 đến 2021 lo ma cho bà Lợi. Chia cho Luận được hưởng 1/2 tài sản của bà Lợi, còn 1/2 chia làm 7 kỷ phần, cho ông Thắng được hưởng thêm một kỷ phần,

còn lại 5 anh chị em mỗi người được 1 kỷ phần là có căn cứ. Các bà Loan, Lan, Lý, Bẩy tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế mà họ được hưởng cho ông Thắng, cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của họ là đúng pháp luật.

Về chia hiện vật: Cấp sơ thẩm xác định diện tích ông Phượng, ông Luận được chia ít hơn diện tích tối thiểu tách thửa theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của UBND TP Hà Nội; Giao toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc di sản thừa kế của cụ Lựu, cụ Diêm cho ông Thắng và buộc ông Thắng phải thanh toán cho ông Phượng, ông Luận mỗi người số tiền tương đương với kỷ phần hai ông được hưởng. Ngoài ra buộc ông Thắng phải thanh toán giá trị 01 ngôi nhà ông Luận xây dựng trị giá là 41.231.800đ nằm trên phần đất ông Thắng được chia là có căn cứ.

- *Về đất nông nghiệp*: Các đương sự không ai yêu cầu, nên cấp sơ thẩm không xem xét chia đất nông nghiệp trong vụ án này là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Lâm Đình Thắng.
- Sửa Bản án sơ thẩm số 128/2022/DSST ngày 24/9/2022 của TAND huyện Gia Lâm: Chia di sản thừa kế của Lựu, cụ Diêm thành 08 kỷ phần thừa kế bằng nhau cho 08 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lựu, cụ Diêm như phân tích trên. Miễn án phí cho đương sự thuộc diện người cao tuổi.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Cấp sơ thẩm tiến hành tố tụng đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.
- Ông Phượng, ông Luận thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.
- Ông Thắng kháng cáo. Nhưng đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo là tự nguyện và không trái pháp luật. Nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đình chỉ xét kháng cáo của ông Thắng.
- Các đương sự khác không kháng cáo, được cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung:

2.1. Những vấn đề cấp sơ thẩm đã xác định, các đương sự cùng thống nhất, không đề nghị xem xét lại:

- Cụ Lâm Đình Lựu, chết ngày 28/7/2010 không có di chúc để lại, cụ Nguyễn Thị Diêm, chết ngày 16/01/2019 có để lại Giấy "Chuyền và cho con trai Thắng toàn bộ diện tích đất ở là 239m^2 theo Sổ QSĐ ở" ngày 20/4/2015 nhưng không có hiệu lực pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lựu, cụ Diêm gồm: Các ông: Phượng, Luận, Thắng; các bà Loan, Lan, Lý, Bảy (Nụ), Lợi - *Bà Lợi chết năm 2021 không có di chúc để lại, không có hàng thừa kế thứ nhất, hàng thừa kế thứ hai là các anh chị em ruột của bà Lợi gồm: Các ông Phượng, Luận, Thắng và các bà Loan, Lan, Lý, Bảy* (*Nụ*).

- Bà Lăng Thị Hiền (*chết năm 2021*) và bà Nguyễn Thị Hòa có quan hệ thân thiết với cụ Lựu, cụ Diêm nhưng không được xác định là con nuôi của cụ Lựu, cụ Diêm theo pháp luật nên họ không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ.

- Thửa đất số 7 là tài sản do cụ Lựu, cụ Diêm được hưởng thừa kế; hai cụ đã cho ông Phượng và ông Luận; hai ông đã được tách thành thửa đất số 7(1), 7(2) đã được UBND huyện Gia Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai ông nay xác định không phải là di sản của hai cụ, không xem xét phân chia thừa kế. Nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện về chia thừa kế đối với thửa đất số 7 và diện tích đất nông nghiệp cụ Lựu, cụ Diêm được Nhà nước giao. Cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết là đúng, các đương sự không kháng cáo về nội dung này.

- Thửa đất số 18 được UBND huyện Gia Lâm cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình cụ Lựu diện tích 239m^2; đo đạc thực tế là 244,3m^2. Phần đất ông Thắng đang quản lý sử dụng thuộc thửa đất số 18 đo đạc thực tế diện tích là 83,6m^2. Sự chênh lệch diện tích là do đo đạc qua các thời kỳ, không có việc lấn chiếm đất công hoặc hàng xóm xung quanh.

- Về tài sản trên phần đất 160,7m^2 thuộc thửa đất số 18. Cụ Lựu, cụ Diêm xây dựng: 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian 1 buồng; 01 ngôi nhà bê tông 2 tầng; 1 cầu thang ngoài trời; bếp; 01 nhà tắm, cổng, sân, tường trị giá 90.369.000 đồng. Ông Luận xây dựng 01 nhà cấp 4 mái trị giá 41.231.800 đồng (*ngoài ra ông Luận còn sửa buồng tắm, nhà vệ sinh, bếp*). Ông Thắng xây dựng mái khung sắt lợp tôn che sân trước nhà cấp 4 trị giá 16.612.500 đồng.

- Các đương sự không ai yêu cầu xem xét đất nông nghiệp mà cụ Lựu, cụ Diêm được phân chia.

*2**.2. Xét kháng cáo của ông Phượng, ông Luận*** . Hội đồng xét xử thấy:

Ông Phượng và ông Luận cùng là bị đơn, cùng có nội dung kháng cáo giống nhau nên được xét chung.

2.2.1. Về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế, diện (người) thừa kế:

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn và các đương sự đều thừa nhận cấp sơ thẩm xác định: Cụ Lựu, cụ Diêm chết không để lại di chúc (*cụ Diêm có để lại di chúc nhưng không hợp pháp*). Hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm: Bà Loan, ông Phượng, bà Lan, bà Lý, ông Luận, bà Bẩy (*Nụ*), ông Thắng, bà Lợi - *Bà Lợi chết năm 2021 không có di chúc để lại, không có hàng thừa kế thứ nhất, hàng thừa kế thứ hai là các anh chị em ruột của bà Lợi gồm: Các ông Phượng, Luận, Thắng và các bà Loan, Lan, Lý, Bảy* (*Nụ*) *được hưởng thừa kế kỷ phần mà bà Lợi được hưởng*. Mặc dù thời điểm mở thừa kế của hai cụ có khác nhau nhưng người được thừa kế của hai cụ không thay đổi nên gộp chung phần di sản của hai cụ chia cho những người được hưởng thừa kế của hai cụ là đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung này.

2.2.2. Đối với yêu cầu cấp phúc thẩm không công nhận việc cụ Lựu đã cho ông Thắng một phần đất thuộc thửa đất số 18.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các lời khai của các đương sự tại cấp sơ thẩm. Có đủ căn cứ xác định: Toàn bộ thửa đất 18; GCNQSDĐ số V 508403 diện tích 239m^2, đo đạc thực tế là 244,3m^2 (*có chênh lệch tăng 5,3m^2 so với*

GCNQSDĐ số V 508403 là do sai số trong quá trình đo đạc lập hồ sơ cấp GCNQSD đất) là của cụ Lựu, cụ Diêm được hưởng thừa kế từ đời trước để lại. Năm 2004, ông Thắng kết hôn với bà Dung thì hai cụ đã định đoạt cho ông Thắng khoảng 80 m^2, đo thực tế là 83,6m^2, ông Phượng và các bà Loan, Lan, Lý, Bẩy (Nụ) đều thừa nhận việc bố mẹ cho ông Thắng diện tích đất này. Tại cấp sơ thẩm ông Phượng đã khai chính ông cùng cụ Lựu đo đạc bàn giao mốc giới cho ông Thắng (*tại phiên tòa phúc thẩm ông trình bày ông không biết là không có căn cứ*). Vợ chồng ông Thắng đã xây dựng nhà ở riêng biệt, xây tường ngăn phần đất được cho, đi cổng riêng, điện nước riêng không có bất kỳ ai phản đối. Mặt khác hai cụ đã định đoạt cho ông Phượng, ông Luận được hưởng thửa đất số 7 là tài sản do hai cụ được hưởng thừa kế; hai ông đã được tách thành thửa đất số 7(1), 7(2) và được UBND huyện Gia Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các đương sự đều công nhận sự định đoạt này của hai cụ, không đề nghị xem xét phân chia thừa kế. Do đó căn cứ vào tinh thần của Án lệ số 24/2018/AL, cấp sơ thẩm công nhận vợ chồng ông Thắng được hai cụ tặng cho phần đất đo thực tế được 83,6m^2 và xác định thuộc là tài sản của ông Thắng- bà Dung không còn là di sản của hai cụ để xem xét chia thừa kế là có căn cứ và đúng pháp luật.

2.2.3. Đối với yêu cầu xem xét chia lại di sản thừa kế theo pháp luật:

Cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ Lựu, cụ Diêm để lại là quyền sử dụng 160,7m^2 đất thuộc thửa đất số 18 và các tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian 1 buồng; 01 ngôi nhà bê tông 2 tầng; 1 cầu thang ngoài trời; bếp; 01 nhà tắm, cổng, sân, tường tổng trị giá bằng tiền 3.304.369.000 đồng là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên:

Cấp sơ thẩm áp dụng điểm B mục III của Thông tư 81/TANDTC ngày 24/7/1981 để trích 01 kỷ phần chia thêm cho các bà Loan, Lan, Lý, Bẩy (*Nụ*), Lợi được hưởng chung thêm một kỷ phần là không phù hợp pháp luật. Bởi lẽ: Khoản 2 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 (*Bộ luật có hiệu lực tại thời điểm mở thừa kế*) và khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 (*Bộ luật đang có hiệu lực tại thời điểm giải quyết vụ án*) đều quy định "2. *Những người thừa kế cùng hàng được phần thừa kế ngang nhau*". Mặt khác các bà Loan, Lan, Lý, Bẩy (*Nụ*) và người thừa kế của bà Lợi đều không có yêu cầu hưởng chung thêm một kỷ phần thừa kế.

Các đương sự đều thừa nhận các ông Thắng, Phượng, Luận đều có công sức quản lý, trông nom duy trì phát triển phần di sản do cụ Diêm, cụ Lựu để lại nhưng không trích công sức quản lý, trông nom duy trì phát triển phần di sản là không đúng với quy định tại các Điều 618,658 Bộ luật dân sự năm 2015 và Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Việc Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn và bị đơn đều cho rằng ông Luận có công chăm sóc cho bà Lợi áng chừng trị giá 72.000.000 đồng/năm với thời gian là 06 năm. Tuy nhiên các đương sự đều thừa nhận bà Lợi được hưởng chế độ người tàn tật, ông Luận có chăm sóc và lo tang ma cho bà Lợi; do đó đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn và bị đơn đề nghị cho ông Luận được hưởng riêng từ kỷ phần của bà Lợi 72.000.000 đồng/năm với thời gian là 06 năm là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định chia kỷ phần của bà Lợi làm hai phần:

Một phần chia riêng cho ông Luận. Một phần còn lại chia cho những người được thừa kế của bà Lợi là hợp tình hợp lý.

Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về việc chia lại di sản thừa kế của cụ Lựu, cụ Diêm theo hướng: Chia di sản của hai cụ thành 09 kỷ phần, trích một kỷ phần thanh toán công sức quản lý, trông nom duy trì phát triển phần di sản cho các ông Thắng, Phượng, Luận. Cụ thể như sau:

Tổng di sản của hai cụ để lại trị giá bằng tiền là 3.304.369.000 đồng/9 phần = 367.152.111,11111 (*làm tròn là 367.152.111*) đồng. Trích 367.152.111 đồng thanh toán công sức cho các ông Thắng, Phượng, Luận (*mỗi ông được thanh toán công sức là 122.384.403 đồng*). Di sản của hai cụ còn lại (*Sau khi trích công sức*) trị giá là [3.304.369.000 đồng -367.152.111 đồng (*Thanh toán công sức cho các ông Thắng, Phượng, Luận*)] = 2.937.216.889 đồng. Như nhận định trên. 08 kỷ phần thừa kế gồm: Bà Loan, ông Phượng, bà Lan, bà Lý, ông Luận, bà Bẩy (*Nụ*), ông Thắng, bà Lợi được hưởng thừa kế như nhau nên mỗi kỷ phần được hưởng 2.937.216.889 đồng/8 = 367.152.111 đồng (*đã làm tròn*).

Riêng kỷ phần của bà Lợi được chia như sau: Trích 1/2 của 367.152.111 đồng là 183.576.000 đồng (*đã làm tròn*) thanh toán công sức chăm sóc, tang ma bà Lợi cho ông Luận. Phần còn lại [367.152.111 đồng -183.576.000 đồng (*Thanh toán cho ông Luận*)] = 183.576.111 đồng chia đều cho 07 kỷ phần thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Lợi gồm: Bà Loan, ông Phượng, bà Lan, bà Lý, ông Luận, bà Bẩy (Nụ), ông Thắng mỗi người được hưởng 183.576.111 đồng/7= 26.225.158,71428571 (*làm tròn là* 26.225.158) đồng.

Xác định từng người được hưởng cụ thể:

Bà Loan, Lan, Lý, Bẩy (*Nụ*) mỗi người được hưởng [367.152.111 đồng (*hưởng thừa kế của cụ Diêm, cụ Lựu*) + 26.225.158 đồng (*Hưởng thừa kế của bà Lợi*)] = 393.377.269 đồng. Tổng bốn bà được hưởng 393.377.269 đồng x 4= 1.573.509.076 đồng. Ghi nhận việc các bà Loan, Lan, Lý, Bẩy (*Nụ*) tự nguyện tặng cho kỷ phần của họ cho ông Thắng được hưởng.

Ông Phượng được hưởng [367.152.111 đồng (*hưởng thừa kế của cụ Diêm cụ Lựu*) +122.384.403 đồng *(Công sức duy trì khối di sản)* + 26.225.158 đồng (*Hưởng thừa kế của bà Lợi*)] = 515.761.672 đồng.

Ông Luận được hưởng [367.152.111 đồng (*hưởng thừa kế của cụ Diêm cụ Lựu*) + 122.384.403 đồng *(Công sức duy trì khối di sản)* +26.225.158 đồng (*Hưởng thừa kế của bà Lợi*) + 183.576.000 đồng (*Công sức chăm sóc và lo tang ma cho bà Lợi*)] = 699.337.672 đồng.

Ông Thắng được hưởng [367.152.111 đồng (*hưởng thừa kế của cụ Diêm cụ Lựu*) +122.384.403 đồng *(Công sức duy trì khối di sản)* + 26.225.158 đồng (*Hưởng thừa kế của bà Lợi*) + 1.573.509.076 đồng (*Phần được các bà Loan, Lan, Lý, Bẩy (Nụ) tự nguyện tặng cho*)] = 2.089.270.748 đồng.`

2.2.4. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật:

Như xác định tại tiểu điểm 2.2.3 phần nhận định của Tòa án nêu trên.

Đối chiếu với giá 20.000.000 đồng/m^2 và giá trị kỷ phần ông Phượng, ông Luận được phân chia thì: Ông Phượng sẽ được quy đổi thành diện tích đất tương

ứng là 515.761.672 đồng: 20.000.000 đồng/m^2 = 25,7880836 m^2 đất. Ông Luận sẽ được quy đổi thành diện tích đất tương ứng là 699.337.672 đồng: 20.000.000 đồng/m^2 = 34,9668836 m^2 đất.

Như vậy diện tích đất mà ông Phượng, ông Luận được chia đều nhỏ hơn 40m^2 là diện tích tối thiểu để tách thửa đất ở nông thôn theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của UBND Thành phố Hà Nội. Ông Phượng, ông Luận đều đã được bố mẹ cho riêng thửa đất số 7 ở ổn định; các ông chỉ yêu cầu được chia đất nhằm làm nơi thờ cúng, cấp sơ thẩm xác định nhu cầu chỗ ở của hai ông không phải là cấp thiết nên chia cho các ông bằng tiền; Giao cho ông Thắng được hưởng kỷ phần của ông và của các bà Loan, Lan, Lý, Bẩy (*Nụ*) bằng hiện vật và phải thanh toán giá trị cho ông Phượng và ông Luận là phù hợp với việc quản lý sử dụng, phù hợp với quy định của Luật đất đai và Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của UBND Thành phố Hà Nội.

Về thanh toán giá trị. Ông Thắng được hưởng toàn bộ quyền sử dụng 160,7m^2 đất còn lại thuộc thửa đất số 18 và các tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian 1 buồng; 01 ngôi nhà bê tông 2 tầng; 1 cầu thang ngoài trời; bếp; 01 nhà tắm, Cổng, sân, tường (*tổng trị giá bằng tiền 3.304.369.000 đồng*) và 01 ngôi nhà cấp 4 mái lợp tôn trị giá 41.231.800 đồng do ông Luận xây dựng (*giá trị sửa buồng tắm, nhà vệ sinh, bếp mà ông Luận đã làm đã được tính phần công sức tại tiểu điểm 2.2.3 phần nhận định của Tòa án nêu trên*); mái khung sắt lợp tôn che sân trước nhà cấp 4 do ông Thắng xây dựng.

Nên buộc ông Thắng phải thanh toán trả: Ông Phượng 515.761.672 đồng; ông Luận [699.337.672 đồng (*phần được hưởng thừa kế, được thanh toán công sức*) + 41.231.800 đồng (*giá trị ngôi nhà cấp 4 mái lợp tôn do ông Luận xây dựng*)] = 740.569.472 đồng.

Tại phiên tòa, ông Thắng - bà Dung đề nghị nhập phần tài sản mà vợ chồng được cụ Lựu, cụ Diêm đã tặng cho với khối tài mà ông Thắng được phân chia thừa kế, là tự nguyện không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao cho vợ chồng ông Thắng – bà Dung được quyền quản lý sử dụng, sở hữu chung toàn bộ thửa đất số 18 và các tài sản gắn liền trên đất.

Ông Thắng – bà Dung có quyền, nghĩa vụ chủ động giao nộp GCNQSDĐ số V508403 do UBND huyện Gia Lâm cấp ngày 16/8/2002 cho hộ ông Lâm Đình Lựu, liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được chia (giao) theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật đất đai.

2.3. Về thửa đất số 7 và đất nông nghiệp mà cụ Lựu, cụ Diêm được chia:

Các đương sự không kháng cáo về nội dung này nên giữ nguyên quyết định của cấp sơ thẩm.

[3].Về án phí:

Ông Lâm Đình Phượng, bà Loan, bà Lan là người cao tuổi, có yêu cầu xin miễn án phí dân sự nên được miễn toàn bộ án phí dân sự .

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thắng được hưởng thừa kế, được thanh toán công sức và được hưởng phần mà các bà Loan, Lan, Lý, Bẩy (*Nụ*) tự nguyện tặng cho trị giá 2.089.270.748 đồng. Trong đó: Phần của bà Loan, Lan là 786.754.538 đồng được miễn án phí dân sự nên ông Thắng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với`[(*2.089.270.748 đồng - 786.754.538 đồng*) = 1.302.516.210 đồng] là [36.000.000 + 3% (1.302.516.210 đồng - 800.000.000 đồng)] = 51.075.486 (*làm tròn là* 51.075.000) đồng;

Ông Luận được hưởng thừa kế và được thanh toán trị giá 740.569.472 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là [20.000.000 đồng + 4% (740.569.472 đồng – 400.000.000 đồng)]= 33.622.779 (*làm tròn là* 33.623.000) đồng.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3.3. Tạm ứng án phí dân sự ông Thắng, ông Luận đã nộp được đối trừ với nghĩa vụ án phí phải nộp

Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phượng, ông Luận là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều: 147,148; khoản 3 Điều 284; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều: 609,610,611,613,618,623,649,650,651,652,658,660,688 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016; Án lệ số 24/2018/AL ngày 17/10/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật người cao tuổi.

Xử:

Chấp nhận đơn xin rút yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Đình Thắng. Đình chỉ xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Lâm Đình Thắng.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lâm Đình Phượng và ông Lâm Đình Luận. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 128/2022/DSST ngày 24/9/2022 của TAND huyện Gia Lâm, Hà Nội. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Đình Thắng đối với ông Lâm Đình Phượng, ông Lâm Đình Luận về việc chia di sản thừa kế do cụ Lâm Đình Lựu, cụ Nguyễn Thị Diêm để lại.

1.1 Xác định: Cụ Lâm Đình Lựu chết ngày 28/7/2010, cụ Nguyễn Thị Diêm chết ngày 16/01/2019 đều không có di chúc hợp pháp để lại; Giấy "*Chuyển và cho con trai Lâm Đình Thắng toàn bộ diện tích đất ở là 239m^2 theo Sổ QSĐ ở*" ngày 20/4/2015 của cụ Diêm không có hiệu lực pháp luật. Thời điểm mở thừa kế là ngày cụ Diêm, cụ Lựu chết. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Diêm, cụ Lựu gồm: Bà Lâm Thị Loan, ông Lâm Đình Phượng, bà Lâm Thị Lan, bà Lâm Thị Lý, ông Lâm Đình Luận, bà Lâm Thị Bẩy (*Tức Nụ*), ông Lâm Đình Thắng, bà Lâm Thị Lợi - *Bà Lợi chết năm 2021 không có di chúc để lại, không có hàng thừa kế thứ nhất, hàng thừa*

kế thứ hai là các anh chị em ruột của bà Lợi gồm: Các ông Phượng, Luận, Thắng và các bà Loan, Lan, Lý, Bảy (*Nụ*).

2.2. Xác định:

2.2.1. Di sản của cụ Lâm Đình Lựu và cụ Nguyễn Thị Diêm để lại là quyền sử dụng 160,7m^2 đất thuộc thửa đất số 18 tờ bản đồ số 4, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội và các tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian 1 buồng; 01 ngôi nhà bê tông 2 tầng; 1 cầu thang ngoài trời; bếp; 01 nhà tắm, cổng, sân, tường có tổng trị giá bằng tiền là 3.304.369.000 đồng.

2.2.2. Trích 367.152.111 đồng trong khối di sản chung của cụ Diêm, cụ Lựu để thanh toán công sức chung cho các ông Lâm Đình Thắng, Lâm Đình Phượng, Lâm Đình Luận; mỗi ông được thanh toán là 122.384.403 đồng. Di sản của cụ Diêm và cụ Lựu còn lại (*Sau khi trích công sức*) trị giá là 2.937.216.889 đồng.

2.2.3. Trên diện tích 160,7m^2 đất còn lại này còn có: 01 nhà cấp 4 trị giá 41.231.800 đồng do ông Luận xây dựng; 01 mái khung sắt lợp tôn che sân trước nhà cấp 4 trị giá 16.612.500 đồng do ông Thắng xây dựng.

2.3. Chia di sản thừa kế của cụ Lâm Đình Lựu và cụ Nguyễn Thị Diêm cho những người thuộc thừa kế thứ nhất của cụ Diêm, cụ Lựu gồm: Bà Lâm Thị Loan, ông Lâm Đình Phượng, bà Lâm Thị Lan, bà Lâm Thị Lý, ông Lâm Đình Luận, bà Lâm Thị Bẩy (*Tức Nụ*), ông Lâm Đình Thắng, bà Lâm Thị Lợi mỗi kỷ phần được hưởng thừa kế như nhau trị giá 367.152.111 đồng.

2.4. Xác định bà Lâm Thị Lợi được hưởng thừa kế từ di sản của cụ Lâm Đình Lựu và cụ Nguyễn Thị Diêm trị giá 367.152.111 đồng. Trích 183.576.000 đồng (*từ kỷ phần của bà Lợi*) thanh toán công sức chăm sóc, tang ma bà Lợi cho ông Luận. Di sản của bà Lợi trị giá là 183.576.111 đồng. Chia di sản thừa kế của bà Lợi cho: Bà Loan, ông Phượng, bà Lan, bà Lý, ông Luận, bà Bẩy (*Nụ*), ông Thắng mỗi người được hưởng 26.225.158 đồng.

2.5. Ghi nhận sự tự nguyện của các bà Lâm Thị Loan, Lâm Thị Lan, Lâm Thị Lý, Lâm Thị Bẩy (*Tức Nụ*) tặng cho toàn bộ kỷ phần mà họ được hưởng cho ông Lâm Đình Thắng được hưởng.

2.6. Xác định những người được hưởng thừa kế từ cụ Lựu, cụ Diêm, bà Lợi; được thanh toán công sức; được tặng cho kỷ phần trị giá cụ thể như sau:

2.6.1. Ông Lâm Đình Phượng được hưởng trị giá thành tiền là 515.761.672 đồng, trong đó gồm: 367.152.111 đồng (*hưởng thừa kế của cụ Diêm, cụ Lựu*); 122.384.403 đồng *(công sức duy trì khối di sản)* và 26.225.158 đồng (*hưởng thừa kế của bà Lợi*).

2.6.2. Ông Lâm Đình Luận được hưởng trị giá thành tiền là 699.337.672 đồng, trong đó gồm: 367.152.111 đồng (*hưởng thừa kế của cụ Diêm cụ Lựu*); 122.384.403 đồng *(công sức duy trì khối di sản);* 26.225.158 đồng (*hưởng thừa kế của bà Lợi*) và 183.576.000 đồng (*công sức chăm sóc và lo tang ma cho bà Lợi*).

2.6.3. Ông Lâm Đình Thắng được hưởng trị giá thành tiền là 2.089.270.748 đồng, trong đó gồm: 367.152.111 đồng (*hưởng thừa kế của cụ Diêm cụ Lựu*); 122.384.403 đồng *(công sức duy trì khối di sản);* 26.225.158 đồng (*hưởng thừa kế*

của bà Lợi) và 1.573.509.076 đồng (*phần được các bà Loan, Lan, Lý, Bẩy (Nụ) tự nguyện tặng cho*).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Lâm Đình Thắng về yêu cầu công nhận đã được cụ Lâm Đình Lựu, cụ Nguyễn Thị Diêm tặng cho quyền sử dụng 83,6 m^2 đất thuộc 1 phần của thửa số 18, tờ bản đồ số 4 thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội. Công nhận vợ chồng ông Lâm Đình Thắng - bà Nguyễn Thị Dung được quyền sử dụng 83,6 m^2 đất thuộc 1 phần của thửa số 18, tờ bản đồ số 4 thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội và được sở hữu 01 ngôi nhà bê tông 1,5 tầng và toàn bộ các tài sản gắn liền trên 83,6 m^2 đất được công nhận quyền sử dụng này.

4. Giao cho vợ chồng ông Lâm Đình Thắng - bà Nguyễn Thị Dung được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất 18, diện tích 239m^2 theo GCNQSDĐ số V 508403 (*đo đạc thực tế là 244,3m^2*) và toàn bộ các tài sản gắn liền trên đất. Trong đó có phần di sản của cụ Lâm Đình Lựu, cụ Nguyễn Thị Diêm và tài sản trên đất do ông Luận, ông Thắng xây dựng được xác định tại tiểu điểm 2.2.1; 2.2.3 điểm 2.2 khoản 2 Quyết định của bản án; Phần tài sản đã được công nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu tại khoản 3 Quyết định của bản án, được giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4, 5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,1 trong sơ đồ thửa đất kèm theo bản án.

5. Buộc vợ chồng ông Lâm Đình Thắng - bà Nguyễn Thị Dung phải thanh toán trả:

5.1. Ông Lâm Đình Phượng số tiền 515.761.672 (*Năm trăm mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn, sáu trăm bảy mươi hai*) đồng.

5.2. Ông Lâm Đình Luận số tiền 740.569.472 (*Bảy trăm bốn mươi triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm bảy mươi hai*) đồng. Trong đó gồm thanh toán 41.231.800 đồng giá trị 01 nhà cấp 4 do ông Luận xây dựng trên phần đất của cụ Lựu, cụ Diêm để lại và 699.337.672 đồng ông Luận được hưởng đã xác định tại tiểu điểm 2.6.2. điểm 2.6 khoản 2 Quyết định của bản án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án nghĩa vụ trả tiền chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất 10%/năm (*theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015*).

6. Vợ chồng ông Lâm Đình Thắng- bà Nguyễn Thị Dung có quyền, nghĩa vụ chủ động giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V508403 do UBND huyện Gia Lâm cấp cho hộ gia đình ông Lâm Đình Lựu ngày 16/8/2002 tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai, đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (*hoặc đính chính tên chủ sử dụng, chủ sở hữu tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V508403*) đối với khối tài sản được giao tại khoản 4 Quyết định của bản án theo quy định pháp luật.

7. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Đình Thắng đối với ông Lâm Đình Phượng, ông Lâm Đình Luận về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với 02 thửa số 7(1), 7(2) tờ bản đồ số 4, thôn Trùng Quán, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

8. Về án phí:

8.1. Miễn toàn bộ án phí dân sự cho ông Lâm Đình Phượng, bà Lâm Thị Loan, bà Lâm Thị Lan.

8.2. Buộc ông Lâm Đình Thắng phải chịu 51.075.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được đối trừ với 6.291.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án các số AA/2010/0005198 ngày 07/5/2020; số AA/2010/0005829 ngày 09/7/2021 và số AA/2010/0073556 ngày 17/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Sau khi đối trừ, ông Lâm Đình Thắng còn phải nộp 44.784.000 (*Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

8.3. Ông Lâm Đình Luận phải chịu 33.623.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ với 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0073563 ngày 17/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Sau khi đối trừ, ông Lâm Đình Luận còn phải nộp 33.323.000 (*Ba mươi ba triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dấnự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS ND TP Hà Nội;*
- *TAND huyện Gia Lâm;*
- *Chi Cục THADS huyện Gia Lâm;*
- *Lưu HSVA/VP*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Hoàng